

**TỔNG CÔNG TY  
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**



## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 4
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 53



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám Đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (SAMCO) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**1. Công ty**

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 08 năm 2010, Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 07 tháng 07 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên với mã số doanh nghiệp là 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành (tên cũ Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành).
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô.
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Dịch vụ Ô tô Isuzu An Lạc.
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc (tên cũ Xí nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc).
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành (tên cũ Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành).
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô tô Chuyên dùng An Lạc.
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại Hà Nội (Samco Hà Nội).
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên - Nhà máy ô tô thương mại Samco.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Sản xuất, đóng mới, lắp ráp các phương tiện vận tải ô tô, phụ tùng ô tô các loại và các sản phẩm công nghiệp khác;
- Sản xuất và kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác, các thiết bị cơ khí phục vụ vệ sinh môi trường, thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa dàn khoan và các công trình trên sông, trên biển;
- Kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp hàng hải và dầu khí;
- Cải tạo, sửa chữa ô tô, sửa chữa các phương tiện đường bộ và cung cấp dịch vụ bảo hành ô tô;

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đại lý, ký gửi hàng hóa, mua bán xe ô tô các loại, máy móc phụ tùng, các loại động cơ nhỏ, hàng trang trí nội thất, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu nhớt, khí hóa lỏng;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư phụ tùng, vật liệu xây dựng chuyên ngành giao thông công chánh;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghiệp, máy móc, phụ tùng cho ngành giao thông công chánh, xăng, dầu, nhớt, gas, mỡ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, thiết bị trạm xăng dầu, phương tiện giao thông vận tải. Thiết bị chế tạo và thiết kế đóng mới các loại phương tiện giao thông đường bộ;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp, thiết bị, phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo, giáo dục định hướng và đưa người lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hành khách liên tỉnh, hành khách công cộng thành phố (xe buýt), hành khách du lịch, du lịch lữ hành trong nước, quốc tế bằng đường bộ, đường thủy theo luồng tuyến cố định và theo hợp đồng kinh tế;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước;
- Khai thác, kinh doanh bến xe khách, bến xe tải, bến tàu sông, cảng sông, bến thủy nội địa, cảng biển, tổ chức xếp dỡ, bảo quản giao nhận hàng hóa, trung chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy, trung chuyển hàng hóa bằng container;
- Dịch vụ, đại lý: vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hóa cho tàu trong và ngoài nước;
- Tổng thầu xây dựng và tư vấn xây dựng các công trình cầu, đường bộ, bến, bãi đậu xe, cảng sông, cảng biển, bờ kè. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, thoát nước, thủy lợi, công viên cây xanh, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công trình điện trung – hạ thế. San lấp mặt bằng. Nạo vét kênh, rạch;
- Thiết kế cải tạo và thiết kế đóng mới các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh và cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác.

Trong năm, hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

## 2. Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban Kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Phạm Quốc Huy	Việt Nam	Chủ tịch
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Thành viên
Ông Kiều Nam Thành	Việt Nam	Thành viên
Ông Vũ Huy Hoàng	Việt Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Việt Nam	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 28/5/2025 theo Quyết định 105/QĐ-UBND-TC của UBND TP. Hồ Chí Minh)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Ban Tổng Giám đốc**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Quốc tịch</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Kiều Nam Thành	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/7/2025 Theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 05/3/2025 của HĐTV Tổng Công ty)
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/6/2025 Theo Quyết định số 55/QĐ-HĐTV ngày 29/5/2025 của HĐTV Tổng Công ty)
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/5/2025 Theo Quyết định số 10/QĐ-HĐTV ngày 05/3/2025 của HĐTV Tổng Công ty)
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/5/2025 Theo Quyết định số 29/QĐ-HĐTV ngày 19/3/2025 của HĐTV Tổng Công ty)

**Ban Kiểm soát**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Quốc tịch</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Võ Ngọc Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách, Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách, Thành viên ban kiểm soát

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<b>Họ và Tên</b>	<b>Quốc tịch</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Kiều Nam Thành	Việt Nam	Tổng Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**7. Công bố các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Ông KIỀU NAM THÀNH**  
**Tổng Giám Đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

Số: 153/2026/BCKT-HCM.00147



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 53 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1  
Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÙI VĂN BỒNG**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0177-2023-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.280.903.463.264</b>	<b>1.462.062.984.536</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>387.910.304.414</b>	<b>508.965.160.768</b>
Tiền	111		387.910.304.414	508.965.160.768
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>358.403.546.972</b>	<b>525.929.263.291</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	325.388.919.912	384.361.257.343
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.259.755.642	8.866.241.494
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	3.203.286.634	3.203.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	71.532.503.257	182.217.336.157
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(55.984.428.863)	(55.722.368.727)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.003.510.390	3.003.510.390
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>460.410.867.230</b>	<b>415.068.740.358</b>
Hàng tồn kho	141		536.751.752.200	461.811.622.934
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(76.340.884.970)	(46.742.882.576)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>74.178.744.648</b>	<b>12.099.820.119</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	8.485.945.958	5.656.664.285
Thuế GTGT được khấu trừ	152		896.185.270	2.438.627.523
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	64.796.613.420	4.004.528.311
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.592.222.738.633</b>	<b>2.681.643.398.965</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>47.899.340.140</b>	<b>48.508.585.140</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	47.899.340.140	48.508.585.140
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>845.479.401.256</b>	<b>913.481.380.099</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	844.969.265.205	912.772.510.602
Nguyên giá	222		1.921.309.343.482	1.910.221.460.233
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.076.340.078.277)	(997.448.949.631)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	510.136.051	708.869.497
Nguyên giá	228		9.993.956.946	9.744.518.036
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.483.820.895)	(9.035.648.539)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>379.955.436.321</b>	<b>378.972.586.239</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	379.955.436.321	378.972.586.239
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.12	<b>1.252.319.704.002</b>	<b>1.264.452.748.695</b>
Đầu tư vào công ty con	251		464.887.702.214	464.887.702.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		753.017.399.892	753.017.399.892
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		161.700.000.000	161.700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(127.285.398.104)	(115.152.353.411)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>66.568.856.914</b>	<b>76.228.098.792</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	66.568.856.914	76.228.098.792
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.873.126.201.897</b>	<b>4.143.706.383.501</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025



	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.014.457.502.021</b>	<b>2.347.137.383.501</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.367.325.200.507</b>	<b>1.657.191.338.319</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	66.673.723.487	98.316.978.713
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	37.301.470.950	42.251.876.262
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	18.323.169.589	57.250.507.780
Phải trả người lao động	314		28.633.884.300	20.182.513.648
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	4.220.616.951	4.533.807.664
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17.1	387.227.282	258.181.821
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	73.030.846.698	69.944.372.278
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	1.112.852.541.522	1.329.309.491.175
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	25.901.719.728	35.143.608.978
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>647.132.301.514</b>	<b>689.946.045.182</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17.2	66.374.619.809	71.649.424.037
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	378.549.448.889	379.225.833.389
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	200.467.416.313	236.467.416.313
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.21	1.740.816.503	2.603.371.443

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.858.668.699.876</b>	<b>1.796.569.000.000</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.22	<b>1.858.668.699.876</b>	<b>1.796.569.000.000</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		62.099.699.876	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.873.126.201.897</b>	<b>4.143.706.383.501</b>



**NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG**      **HUỲNH THỊ HẠNH**  
Người lập biểu                      Kế toán trưởng

**KIỀU NAM THÀNH**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.617.379.154.783	2.962.060.492.094
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.617.379.154.783	2.962.060.492.094
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.513.364.058.944	2.810.282.904.704
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>104.015.095.839</b>	<b>151.777.587.390</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	473.476.275.245	436.299.721.148
Chi phí tài chính	22	6.4	90.087.399.963	79.664.700.944
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		77.899.994.037	72.526.291.851
Chi phí bán hàng	25	6.5	144.977.999.095	205.404.669.616
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	157.168.654.896	144.027.854.285
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>185.257.317.130</b>	<b>158.980.083.693</b>
Thu nhập khác	31	6.7	31.767.852.917	42.425.843.651
Chi phí khác	32	6.8	10.026.170.459	23.130.954.365
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>21.741.682.458</b>	<b>19.294.889.286</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>206.998.999.588</b>	<b>178.274.972.979</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>206.998.999.588</b>	<b>178.274.972.979</b>

**NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG**  
Người lập biểu

**HUỖNH THỊ HẠNH**  
Kế toán trưởng



**KIỀU NAM THÀNH**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026


**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	206.998.999.588	178.274.972.979
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	90.504.185.406	95.534.540.925
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	41.993.107.223	16.146.785.285
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	10.953.220	95.857.849
Chi phí lãi vay	05	(462.980.075.223)	(427.306.502.959)
Các khoản điều chỉnh khác	06	77.899.994.037	72.526.291.851
	07	-	227.817.312
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(45.572.835.749)</b>	<b>(64.500.236.758)</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	2.447.788.722	26.180.266.515
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(74.940.129.266)	120.624.126.780
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.600.629.171	(83.424.509.566)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.829.960.205	17.556.250.760
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.890.015.054)	(71.880.641.953)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	657.836.580	-
Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh	17	(44.580.441.848)	(50.351.967.571)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(208.447.207.239)</b>	<b>(105.796.711.793)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(38.280.939.592)	(16.211.769.597)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.797.818.319	4.492.789.849
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	569.220.851.099	740.358.104.928
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>536.737.729.826</b>	<b>728.639.125.180</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	2.424.411.456.604	2.897.411.359.390
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.676.868.406.257)	(2.450.968.674.007)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(196.903.911.724)	(969.939.421.497)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(449.360.861.377)</b>	<b>(523.496.736.114)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>(121.070.338.790)</b>	<b>99.345.677.273</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>508.965.160.768</b>	<b>409.596.094.453</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.482.436	23.389.042
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>387.910.304.414</b>	<b>508.965.160.768</b>

  
**NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG**  
Người lập biểu

  
**HUYỀN THỊ HẠNH**  
Kế toán trưởng



  
**KIỀU NAM THÀNH**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

**1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc Tổng Công ty**

**Công ty con trực tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 9 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cẩu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	Số 163 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42 Tôn Thất Thuyết, Phường Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Số 720 Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, Phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần.	51,00%	51,00%	51,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Công ty liên doanh**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Số 151A Lý Thường Kiệt, Phường Tân Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch.	50,00%	50,00%	50,00%

**Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, Phường Phú Thuận, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công trình Giao thông Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường Phú Định, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	Số 14/4A Thân Nhân Trung, Phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	Số 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Ô tô SG Toyota Tsusho	Số 26 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	Số 693 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận tải Ô tô Số 2	Số 326 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%

**Đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hồ Học Lãm, Phường Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	16,17%	16,17%	16,17%

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.028 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.099 người).

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

###### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### **Công ty liên doanh**

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tổng Công ty áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các Báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	03 – 40
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	03 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	05

#### **4.8 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

##### **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

#### **4.9 Chi phí xây dựng cơ bản**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

Tiền thuê đất	Năm 50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	01 – 03

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

#### **4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 01 – 03% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quý và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dự hiện có tại quý thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quý của các năm sau.

#### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

#### **4.14 Phân phối lợi nhuận**

Các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 trở về trước, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020; số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 và số 167/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ) tiếp tục được thực hiện cho đến khi có văn bản thay thế (theo nội dung Nghị quyết số 253/NQ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ).

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 trở đi, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận theo quy định của Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 06 năm 2025 do Quốc hội ban hành về Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Việc phân phối lợi nhuận năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thực hiện như sau:

- Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ.
- Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.
- Tổng Công ty nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách Nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ.

#### **4.15 Tiền lương**

Tổng Công ty đang tạm ghi nhận tiền lương căn cứ theo Thông báo của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của Tổng Công ty và Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm. Khi nhận được Thông báo của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025, Tổng Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 (nếu có).

#### **4.16 Các khoản trích theo lương**

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 2%.

#### **4.17 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### **4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

##### **Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### **Doanh thu từ xây dựng**

Doanh thu xây dựng ghi nhận theo khối lượng thực hiện được chủ đầu tư xác nhận và Tổng Công ty đã xuất hóa đơn.

##### **Doanh thu hoạt động tài chính**

###### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

###### **Cổ tức, Lợi nhuận còn lại**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **Thu nhập khác**

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu; Các khoản thu nhập khác.

#### **4.19 Giá vốn**

Giá vốn hàng hóa bao gồm giá mua hàng, chi phí mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp.

Giá vốn dịch vụ sửa chữa bao gồm tiền nhân công và giá trị phụ tùng thay thế.

Giá vốn thành phẩm sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí chung phân bổ.

Giá vốn công trình xây dựng được kết chuyển theo tỉ lệ khoán trên doanh thu thực hiện, cho các đội xây dựng thuộc Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành.

#### **4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

#### **4.21 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.22 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Bến xe Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên doanh
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Đóng tàu An Phú	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Vận tải Ô tô Số 2	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Ô tô SG Toyota Tsusho	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Công trình Giao thông Quận 8	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Cảng Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	Khoản đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty).

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	5.499.631.444	2.114.680.494
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	381.807.044.469	506.261.992.102
- USD (*)	603.628.501	588.488.172
	<b>387.910.304.414</b>	<b>508.965.160.768</b>

(\*) Số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 23.293,18 USD tương đương 603.628.501 VND.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	52.050.974.675	67.804.382.799
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines tại TP. Hà Nội	95.070.833.328	120.218.055.551
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	3.128.502.993	3.128.502.993
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	1.365.724.800	1.237.959.785
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	34.900.000.000	61.050.423.615
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	8.764.290	8.764.290
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	1.407.780	3.839.400
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	8.116.706	-
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	-	1.039.500
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn	-	1.207.870
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Số 2	-	28.026.000
Công ty Cổ phần Cảng Phú Định	-	12.718.140
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Gia Định	955.250.000	990.250.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Vinfast	542.328.040	11.998.095.125
Công ty Cổ phần Tổng hợp Thế Giới Xanh	16.087.231.284	16.087.231.284
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận Bình Thạnh	5.823.842.377	5.823.842.377
Công ty TNHH Quốc Đạt - Bus	5.128.185.922	5.128.185.922
Trung tâm Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Thủ Đức	4.917.686.377	-
Các khách hàng khác	105.400.071.340	90.838.732.692
	<b>325.388.919.912</b>	<b>384.361.257.343</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	3.027.747.474	1.456.807.474
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	140.000.000	24.710.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Vinfast	1.492.077.281	-
Trần Hoàng Thi	1.413.199.446	-
Công ty TNHH Xây dựng Huy Thước	1.045.596.726	3.423.564.341
Các nhà cung cấp khác	4.141.134.715	3.961.159.679
	<b>11.259.755.642</b>	<b>8.866.241.494</b>

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn (*)	2.837.000.000	2.837.000.000
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	<b>3.203.286.634</b>	<b>3.203.286.634</b>

(\*) Khoản cho vay đã quá hạn không có khả năng thu hồi và đã lập dự phòng.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>				
<i>Phải thu lãi cho vay</i>				
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	777.273.863	(777.273.863)	777.273.863	(777.273.863)
<i>Lợi nhuận, cổ tức được chia</i>				
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	32.864.069.409	-	62.026.678.786	-
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	-	-	12.469.374.290	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	1.458.025.171	-	1.458.025.171	-
Công ty TNHH Mercedes – Benz Việt Nam	-	-	75.000.000.000	-
<i>Phải thu khác – dịch vụ cung cấp</i>				
Công ty Vận tải Sông Sài Gòn	123.605.791	(123.605.791)	123.605.791	(123.605.791)
<b>Các đối tượng khác</b>				
Kinh phí công đoàn	43.351.534	-	-	-
Bảo hiểm y tế	81.035.969	-	84.919.971	-
Bảo hiểm thất nghiệp	71.305.807	-	70.124.563	-
Tạm ứng	3.326.400.667	-	5.943.633.938	-
Ký quỹ khác	2.467.686.000	(39.300.000)	3.849.591.000	(39.300.000)
Thanh tra Thành Phố Hồ Chí Minh (*)	12.190.873.475	-	-	-
Các khoản phải thu khác	18.128.875.571	(7.193.255.888)	20.414.108.784	(7.193.255.888)
	<b>71.532.503.257</b>	<b>(8.133.435.542)</b>	<b>182.217.336.157</b>	<b>(8.133.435.542)</b>

(\*) Đây là khoản tiền Tổng Công ty đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra TP. Hồ Chí Minh tại Kho bạc Nhà nước Khu vực số 2 theo Quyết định số 640/QĐ-TTTP ngày 24/09/2025 của Cơ quan Thanh tra TP. Hồ Chí Minh.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	38.552.292.000	-	38.552.292.000	-
Công ty TNHH SX – TM Hồng Tiến Phát – ký quỹ	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	1.075.048.140	-
Các khoản phải thu khác	272.000.000	-	881.245.000	-
	<b>47.899.340.140</b>	<b>-</b>	<b>48.508.585.140</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khách hàng</b>						
<b><i>Bên liên quan</i></b>						
Công ty CP Bến xe Miền Tây	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	Trên 3 năm	8.764.290	(8.764.290)	Trên 3 năm	8.764.290	(8.764.290)
<b><i>Các khách hàng khác</i></b>						
Công ty TNHH Quốc Đạt	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phượng Hoàng	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận Bình Thạnh (1)	Trên 3 năm	5.823.842.377	(5.823.842.377)	Trên 3 năm	5.823.842.377	(5.823.842.377)
Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp (2)	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	1.907.991.501	(1.907.991.501)
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Huyện Hóc Môn (3)	Trên 3 năm	1.406.299.000	(1.406.299.000)	Trên 3 năm	1.406.299.000	(1.406.299.000)
Công ty CP Tổng hợp Thế Giới Xanh (4)	Trên 3 năm	16.087.231.284	(16.087.231.284)	Trên 3 năm	16.087.231.284	(16.087.231.284)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	31/12/2025			01/01/2025		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh	Từ 180 ngày đến dưới 3 năm	3.478.679.178	(1.481.189.369)		-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu VPBIO	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	93.558.000	(65.490.600)		-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Bất động sản MGI	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	890.530.955	(623.371.668)		-	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	4.043.388.804	(4.043.388.804)	Trên 3 năm	4.043.388.804	(4.043.388.804)
<b>Trả trước cho người bán</b>						
<b><i>Bên liên quan</i></b>						
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Trên 3 năm	619.490.295	(619.490.295)	Trên 3 năm	619.490.295	(619.490.295)
<b>Người bán khác</b>						
Các nhà cung cấp khác	Trên 3 năm	102.839.700	(102.839.700)	Trên 3 năm	102.839.700	(102.839.700)
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>						
<b><i>Bên liên quan</i></b>						
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	Trên 3 năm	366.286.634	(366.286.634)	Trên 3 năm	366.286.634	(366.286.634)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Trên 3 năm	2.837.000.000	(2.837.000.000)	Trên 3 năm	2.837.000.000	(2.837.000.000)
<b>Phải thu khác</b>						
<b><i>Bên liên quan</i></b>						
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Trên 3 năm	3.003.510.390	(3.003.510.390)	Trên 3 năm	3.003.510.390	(3.003.510.390)
Công ty Vận Tải Sông Sài Gòn	Trên 3 năm	123.605.791	(123.605.791)	Trên 3 năm	123.605.791	(123.605.791)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Trên 3 năm	777.273.863	(777.273.863)	Trên 3 năm	777.273.863	(777.273.863)
<b>Các đơn vị khác</b>						
Công ty CP Cơ khí Giao thông Quận 4 (5)	Trên 3 năm	5.314.197.650	(5.314.197.650)	Trên 3 năm	5.314.197.650	(5.314.197.650)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	1.918.358.238	(1.918.358.238)	Trên 3 năm	1.918.358.238	(1.918.358.238)
		<b>58.277.145.359</b>	<b>(55.984.428.863)</b>		<b>55.722.368.727</b>	<b>(55.722.368.727)</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- (1) Công trình Cổng thoát nước hầm 125-67 Đinh Tiên Hoàng.
- (2) Công trình AB INBEV BINH DUONG BREWERY - Gói 2.
- (3) Công trình Xây lắp đường Thới Tứ - Trung Đông và Công trình đường Xuân Thới Sơn – Xuân Thới Đông.
- (4) Khu đô thị Năm Sao - Giai đoạn 1.2 (39ha).
- (5) Công nợ phải thu liên quan đến Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	55.722.368.727	50.662.322.645
Trích lập trong năm	2.170.051.637	5.314.197.650
Hoàn nhập trong năm	(1.907.991.501)	(254.151.568)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>55.984.428.863</b>	<b>55.722.368.727</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	11.488.727.269	-	2.576.290.911	-
Nguyên liệu, vật liệu	82.710.617.283	-	67.354.849.908	-
Công cụ dụng cụ	173.479.923	-	195.599.806	-
Chi phí sản xuất dở dang sản xuất xe	39.895.892.809	-	55.228.188.885	-
Chi phí sản xuất dở dang dịch vụ	7.838.899.300	-	4.035.096.499	-
Chi phí sản xuất dở dang các công trình	2.249.309.699	-	4.749.328.178	-
Thành phẩm	260.087.245.212	(76.340.884.970)	243.407.011.190	(46.742.882.576)
Hàng hóa	132.307.580.705	-	84.265.257.557	-
	<b>536.751.752.200</b>	<b>(76.340.884.970)</b>	<b>461.811.622.934</b>	<b>(46.742.882.576)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	46.742.882.576	42.651.712.502
Trích lập trong năm	30.317.281.624	17.320.680.425
Hoàn nhập dự phòng	(719.279.230)	(13.229.510.351)
<b>Số cuối năm</b>	<b>76.340.884.970</b>	<b>46.742.882.576</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ, dụng cụ	3.255.083.347	1.102.557.193
Phúc lợi nhân viên	3.770.668	3.733.332
Chi phí bảo hiểm tài sản	1.477.434.479	1.126.727.337
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.187.823.515	1.192.038.742
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.561.833.949	2.231.607.681
	<b>8.485.945.958</b>	<b>5.656.664.285</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền thuê đất, thuê mặt bằng trả trước	49.398.164.090	67.097.401.766
Công cụ, dụng cụ	137.292.279	86.363.336
Chi phí sửa chữa, cải tạo	9.201.513.583	3.493.296.322
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.831.886.962	5.551.037.368
	<b>66.568.856.914</b>	<b>76.228.098.792</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2025	1.360.379.516.733	371.878.865.808	82.337.270.255	16.691.897.844	78.933.909.593	1.910.221.460.233
Mua sắm trong năm	2.208.904.843	4.222.151.111	8.518.292.273	1.414.189.025	217.615.000	16.581.152.252
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.313.450.761	5.858.243.914	1.485.774.429	88.451.622	570.748.459	9.316.669.185
Nâng cấp tài sản cố định	-	811.898.000	-	-	-	811.898.000
Giảm do thanh lý	(30.476.190)	-	(11.392.652.888)	-	-	(11.423.129.078)
Giảm khác	(1.369.961.655)	-	(2.828.745.455)	-	-	(4.198.707.110)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>1.362.501.434.492</b>	<b>382.771.158.833</b>	<b>78.119.938.614</b>	<b>18.194.538.491</b>	<b>79.722.273.052</b>	<b>1.921.309.343.482</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2025	521.138.889.640	326.969.884.276	55.638.189.189	15.708.534.427	77.993.452.099	997.448.949.631
Khấu hao trong năm	53.529.838.079	23.846.480.030	11.606.993.131	719.653.011	360.917.183	90.063.881.434
Giảm do thanh lý	(30.476.190)	-	(10.224.017.749)	-	-	(10.254.493.939)
Giảm khác	(918.258.849)	-	-	-	-	(918.258.849)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>573.719.992.680</b>	<b>350.816.364.306</b>	<b>57.021.164.571</b>	<b>16.428.187.438</b>	<b>78.354.369.282</b>	<b>1.076.340.078.277</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2025	839.240.627.093	44.908.981.532	26.699.081.066	983.363.417	940.457.494	912.772.510.602
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>788.781.441.812</b>	<b>31.954.794.527</b>	<b>21.098.774.043</b>	<b>1.766.351.053</b>	<b>1.367.903.770</b>	<b>844.969.265.205</b>

- Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 442.453.786.671 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 410.677.577.503 VND).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 428.271.971.078 VND được thế chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 467.451.932.498 VND).

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2025	9.660.118.036	84.400.000	-	9.744.518.036
Mua sắm trong năm	104.438.910	-	-	104.438.910
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	80.000.000	-	65.000.000	145.000.000
Tại ngày 31/12/2025	<u>9.844.556.946</u>	<u>84.400.000</u>	<u>65.000.000</u>	<u>9.993.956.946</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2025	8.951.248.539	84.400.000	-	9.035.648.539
Khấu hao tăng trong năm	417.507.037	-	30.665.319	448.172.356
Tại ngày 31/12/2025	<u>9.368.755.576</u>	<u>84.400.000</u>	<u>30.665.319</u>	<u>9.483.820.895</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2025	708.869.497	-	-	708.869.497
Tại ngày 31/12/2025	<u>475.801.370</u>	<u>-</u>	<u>34.334.681</u>	<u>510.136.051</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.965.128.036 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 6.384.851.672 VND)

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số dư tại ngày 01/01/2025	Phát sinh trong năm	Kết chuyển tài sản cố định	Kết chuyển khác	Số dư tại ngày 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	135.090.909	896.791.000	(145.000.000)	(816.791.000)	70.090.909
Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng -tái định cư tại Phường Long Bình và Phường Đông Hòa, TP. Hồ Chí Minh	370.607.348.393	-	-	(2.756.582.000)	367.850.766.393
Các công trình khác	8.230.146.937	14.838.056.410	(7.830.894.756)	(3.202.729.572)	12.034.579.019
Sửa chữa tài sản cố định	-	5.062.717.666	(1.485.774.429)	(3.576.943.237)	-
	<u>378.972.586.239</u>	<u>20.797.565.076</u>	<u>(9.461.669.185)</u>	<u>(10.353.045.809)</u>	<u>379.955.436.321</u>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

		31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Đầu tư vào công ty con	(a)	464.887.702.214	464.887.702.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(b)	753.017.399.892	753.017.399.892
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(c)	161.700.000.000	161.700.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư		(127.285.398.104)	(115.152.353.411)
		<b>1.252.319.704.002</b>	<b>1.264.452.748.695</b>

**(a) Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246.455.000.000	-	(*)	246.455.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	72.000.000.000	-	(*)	72.000.000.000	-	(*)
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.836.500.000	-	(*)	3.836.500.000	-	(*)
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	25.500.000.000	-	(*)	25.500.000.000	-	(*)
Công ty CP Bến xe Miền Tây	12.750.000.000	-	355.980.000.000	12.750.000.000	-	344.250.000.000
Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn	81.288.900.000	-	94.869.180.000	81.288.900.000	-	143.068.464.000
	<b>464.887.702.214</b>	<b>(23.057.302.214)</b>		<b>464.887.702.214</b>	<b>(23.057.302.214)</b>	

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên doanh</b>						
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	93.935.921.750	-	(*)	93.935.921.750	-	(*)
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	22.007.742.521	(1.582.642.267)	(*)	22.007.742.521	(2.003.346.561)	(*)
<b>Công ty liên kết</b>						
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	294.000.000.000	-	535.080.000.000	294.000.000.000	-	343.980.000.000
Công ty CP Đóng tàu An Phú	29.400.000.000	(22.154.788.570)	(*)	29.400.000.000	(20.384.031.990)	(*)
Công ty CP Công trình GT Quận 8	4.906.169.190	(4.906.169.190)	(*)	4.906.169.190	(4.906.169.190)	(*)
Công ty CP Hoà Phú	48.000.000.000	-	(*)	48.000.000.000	-	(*)
Công ty CP Ô tô An Thái	9.200.000.000	-	(*)	9.200.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	86.406.452.000	-	(*)	86.406.452.000	-	(*)
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	11.050.123.700	-	(*)	11.050.123.700	-	(*)
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	13.839.425.000	-	(*)	13.839.425.000	-	(*)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	88.536.000.000	-	(*)	88.536.000.000	-	(*)
Công ty CP Vận tải Ô tô Số 2	16.977.737.881	-	(*)	16.977.737.881	-	(*)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	33.390.000.000	-	(*)	33.390.000.000	-	(*)
	<b>753.017.399.892</b>	<b>(30.011.427.877)</b>		<b>753.017.399.892</b>	<b>(28.661.375.591)</b>	

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Cảng Phú Định	161.700.000.000	(74.216.668.013)	(*)	161.700.000.000	(63.433.675.606)	(*)
	<b>161.700.000.000</b>	<b>(74.216.668.013)</b>		<b>161.700.000.000</b>	<b>(63.433.675.606)</b>	

(\*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	115.152.353.411	108.156.784.282
Trích lập trong năm	12.553.748.987	6.995.569.129
Hoàn nhập trong năm	(420.704.294)	-
Số dư cuối năm	<b>127.285.398.104</b>	<b>115.152.353.411</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	2.881.423.251	2.881.423.251	9.259.806.989	9.259.806.989
Công ty CP Hoà Phú	6.480.000	6.480.000	91.567.649	91.567.649
Công ty TNHH Kumho Samco Buslines	49.000.000	49.000.000	84.855.211	84.855.211
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn	226.960.498	226.960.498	-	-
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	4.524.829	4.524.829	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	5.503.140	5.503.140	3.327.480	3.327.480
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Vũ Đức Duy	5.993.535.258	5.993.535.258	4.756.552.527	4.756.552.527
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	5.140.301.432	5.140.301.432	5.243.266.252	5.243.266.252
Công ty TNHH XD - TM Khải Thành	73.287.720	73.287.720	7.568.281.710	7.568.281.710
Phải trả nhà cung cấp khác	52.292.707.359	52.292.707.359	71.309.320.895	71.309.320.895
	<b>66.673.723.487</b>	<b>66.673.723.487</b>	<b>98.316.978.713</b>	<b>98.316.978.713</b>

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Các tổ chức khác</b>		
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận Tân Bình	6.884.686.000	29.228.490.000
Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam)	5.395.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Vận tải Thiên Bình	3.000.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	2.900.000.000	-
Các khách hàng khác	19.121.284.950	13.023.386.262
	<b>37.301.470.950</b>	<b>42.251.876.262</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	01/01/2025		Số phát sinh trong năm		31/12/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	14.156.282.373	-	15.830.693.352	(14.535.438.050)	15.451.537.675	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa – công trình	429.245.152	-	-	-	429.245.152	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	6.486.218.034	(6.486.218.034)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	3.822.819.325	(3.822.819.325)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.981.745	3.820.859.126	-	-	5.981.745	3.820.859.126
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	672.431.338	(672.431.338)	-	-
Tiền thuê đất	-	113.549.349	23.983.176.921	(37.707.838.173)	-	13.838.210.601
Thuế thu nhập cá nhân	2.046.143.522	54.128.941	8.598.485.699	(8.303.878.167)	2.436.405.017	149.782.904
Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	40.612.854.988	-	111.081.138.634	(196.903.911.724)	-	45.209.918.102
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.990.895	6.845.533.590	(8.607.385.382)	-	1.777.842.687
	<b>57.250.507.780</b>	<b>4.004.528.311</b>	<b>177.320.496.893</b>	<b>(277.039.920.193)</b>	<b>18.323.169.589</b>	<b>64.796.613.420</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế xuất, nhập khẩu*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế đối với hoạt động chính là 20%.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	206.998.999.588	178.274.972.979
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	53.695.986.730	53.858.394.069
Các khoản điều chỉnh giảm	(462.104.483.083)	(436.662.025.620)
Thu nhập tính thuế TNDN	<b>(201.409.496.765)</b>	<b>(204.528.658.572)</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Các loại thuế khác*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công trình xây dựng	-	604.533.913
Trích trước chi phí lãi vay	2.940.441.673	1.930.462.690
Trích trước tiền điện	1.096.008.368	1.125.100.508
Chi phí trích trước khác	184.166.910	873.710.553
	<b>4.220.616.951</b>	<b>4.533.807.664</b>

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn**

**5.17.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các đối tượng khác	387.227.282	258.181.821
	<b>387.227.282</b>	<b>258.181.821</b>

**5.17.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Bên liên quan – Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng</b>		
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco (*)	66.374.619.809	71.649.424.037
	<b>66.374.619.809</b>	<b>71.649.424.037</b>

(\*) Khoản cho thuê toàn bộ văn phòng, nhà trưng bày (showroom) và nhà xưởng theo hợp đồng số 56/HĐ-SC-TSMC ngày 31/10/2013, thời hạn thuê là 25 năm, từ ngày 31/10/2013 đến ngày 01/8/2038.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn		
- nhận ký quỹ, ký cược	119.973.000	123.823.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines		
- nhận ký quỹ, ký cược	363.762.000	299.302.000
Công ty TNHH Ô tô ISUZU Việt Nam	73.802.729	2.802.729
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	54.713.494.892	55.420.562.183
<b>Các đối tượng khác</b>		
Kinh phí công đoàn	-	389.818.046
Bảo hiểm xã hội	574.600.994	565.674.181
Nhận ký quỹ ngắn hạn	7.331.664.340	5.713.184.581
Phải trả khác	9.853.548.743	7.429.205.558
	<b>73.030.846.698</b>	<b>69.944.372.278</b>

**5.18.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	370.889.746.999	370.889.746.999
Ký quỹ, ký cược dài hạn	7.659.701.890	8.336.086.390
	<b>378.549.448.889</b>	<b>379.225.833.389</b>

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn, nợ dài hạn đến hạn trả</b>				
<b>Vay ngân hàng</b>				
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm (1)	273.401.300.405	273.401.300.405	525.393.396.520	525.393.396.520
Ngân hàng TNHH MTV HSBC – CN TP. Hồ Chí Minh (2)	281.802.020.898	281.802.020.898	296.600.356.388	296.600.356.388
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Sài Gòn (3)	445.487.856.446	445.487.856.446	411.251.402.456	411.251.402.456
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 2 (4)	15.808.393.643	15.808.393.643	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh (5)	60.352.970.130	60.352.970.130	49.214.335.811	49.214.335.811
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>				
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm (6)	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Sài Gòn (6)	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Kỳ phiếu nội bộ (7)	-	-	10.850.000.000	10.850.000.000
	<b>1.112.852.541.522</b>	<b>1.112.852.541.522</b>	<b>1.329.309.491.175</b>	<b>1.329.309.491.175</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn, nợ dài hạn đến hạn trả</b>				
<b>Vay ngân hàng</b>				
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm (6)	118.233.708.157	118.233.708.157	136.233.708.157	136.233.708.157
Trừ: Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Sài Gòn (6)	118.233.708.156	118.233.708.156	136.233.708.156	136.233.708.156
Trừ: Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
	<b>200.467.416.313</b>	<b>200.467.416.313</b>	<b>236.467.416.313</b>	<b>236.467.416.313</b>

**Thông tin chi tiết của các khoản vay ngân hàng:**

- Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 058/2025/HĐCVHM/NHCT903-SAMCO ngày 18/04/2025 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh;
  - Thời hạn vay : đến ngày 28/02/2026
  - Lãi suất vay : 4,50% - 4,70%/năm
  - Hình thức đảm bảo : Không có
- Là khoản vay tự động gia hạn theo hợp đồng tín dụng số VNM 411172 sửa đổi lần 7 ngày 19/08/2024 từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (VN):
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh
  - Thời hạn vay : 12 tháng
  - Lãi suất vay : 4,70% - 5,50%/năm  
Được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ;
  - Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo.
- Là khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0203/SGN.KHDN/LD25 ngày 01/08/2025 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
  - Thời hạn vay : 12 tháng.  
Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ
  - Lãi suất vay : Theo từng kế ước nhận nợ. Từ 4,80% - 6,50%/năm
  - Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- (4) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 244314.24.103.585904.TD ngày 16/12/2024 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 2:

Mục đích vay : Cấp tín dụng phục vụ hoạt động thương mại xe ô tô của khách hàng  
Thời hạn vay : Đến ngày 19/12/2025  
Lãi suất vay : 4,50% - 4,70%/năm  
Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo.

- (5) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 263104/2024/HĐTĐ ngày 24/12/2024 tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh:

Mục đích vay : Cấp tín dụng phục vụ hoạt động thương mại xe ô tô của khách hàng  
Thời hạn vay : 12 tháng  
Lãi suất vay : 5,40% - 5,80%/năm  
Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo.

- (6) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 139/HĐTĐ/TB-VCB-SAMCO ngày 05 tháng 07 năm 2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư Dự Án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhà ga Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh – Phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;  
Vốn vay : Mỗi ngân hàng cam kết một khoản cho vay là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng);  
Thời hạn vay : 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, trong đó: Thời hạn giải ngân là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên  
Lãi suất vay : Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ (trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm);  
Hình thức đảm bảo : Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ tài sản của Dự án hình thành trong tương lai bao gồm nhưng không giới hạn (công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị của Dự án) quyền tài sản phát sinh của dự án bao gồm nhưng không giới hạn (quyền phát sinh từ các hợp đồng đầu ra, quyền kinh doanh khai thác bến xe, quyền phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm...).

- (7) Vay ngắn hạn của cán bộ công nhân viên dưới hình thức phát hành kỳ phiếu nội bộ với thời gian 03 tháng, lãi suất 0,42%/tháng.

**5.19.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tổng Công ty không có nợ vay quá hạn chưa thanh toán.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b> VND	<b>Quỹ thưởng Ban điều hành</b> VND	<b>Cộng</b> VND
Số dư ngày 01/01/2025	34.075.467.370	1.068.141.608	35.143.608.978
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	33.818.161.078	-	33.818.161.078
Tăng khác	641.495.288	16.341.292	657.836.580
Sử dụng trong năm	<u>(43.264.083.158)</u>	<u>(453.803.750)</u>	<u>(43.717.886.908)</u>
<b>Số dư ngày 31/12/2025</b>	<b><u>25.271.040.578</u></b>	<b><u>630.679.150</u></b>	<b><u>25.901.719.728</u></b>

**5.21 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	<b>Năm 2025</b> VND	<b>Năm 2024</b> VND
Tại ngày đầu năm	2.603.371.443	3.278.488.755
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	<u>(862.554.940)</u>	<u>(675.117.312)</u>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>1.740.816.503</u></b>	<b><u>2.603.371.443</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.22 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2024	1.796.569.000.000	712.022.039.520	-	2.508.591.039.520
Lãi trong năm	-	-	178.274.972.979	178.274.972.979
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(20.913.622.308)	(20.913.622.308)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	(505.493.832)	(505.493.832)
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	(156.855.856.839)	(156.855.856.839)
Các khoản phải nộp khác	-	(712.022.039.520)	-	(712.022.039.520)
<b>Số dư 31/12/2024</b>	<b>1.796.569.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.796.569.000.000</b>
Số dư 01/01/2025	1.796.569.000.000	-	-	1.796.569.000.000
Lãi trong năm	-	-	206.998.999.588	206.998.999.588
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(33.818.161.078)	(33.818.161.078)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	62.099.699.876	(62.099.699.876)	-
Kết chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	(111.081.138.634)	(111.081.138.634)
<b>Số dư 31/12/2025</b>	<b>1.796.569.000.000</b>	<b>62.099.699.876</b>	<b>-</b>	<b>1.858.668.699.876</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.23 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	31/12/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	23.293,18	23.306,38

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu thuần**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.730.155.386.211	1.957.260.967.868
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	351.172.179.059	543.644.617.928
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	339.697.309.401	327.737.920.609
Doanh thu xây dựng	58.805.833.277	3.486.918.183
Doanh thu dịch vụ bến xe	43.371.260.436	36.126.351.931
Doanh thu khác	94.177.186.399	93.803.715.575
	<b>2.617.379.154.783</b>	<b>2.962.060.492.094</b>

**Trong đó, doanh thu các bên liên quan**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	77.871.550	47.643.853
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	199.559.676	158.762.960
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	22.837.700	96.798.227
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	5.361.627.898	6.887.524.884
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines tại TP. Hà Nội	12.734.588.480	66.203.703.696
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	33.310.877.868	69.863.350.653
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	14.135.568.476	15.681.254.263
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	2.532.820.955	2.575.643.038
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	3.811.052.140	4.005.162.361
Công ty CP Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	245.455	13.038.550
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.950.180	-
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	-	724.050
Công ty CP Hòa Phú	1.689.956	11.713.208
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	1.194.444.444	27.842.236
Công ty CP Cảng Phú Định	9.886.600	39.937.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	16.020.169	1.490.300
	<b>73.413.041.547</b>	<b>165.614.589.279</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.669.802.809.664	1.850.275.679.240
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	313.499.660.319	524.059.549.573
Giá vốn cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	320.413.531.644	314.687.854.828
Giá vốn dịch vụ bến xe	76.011.133.360	74.979.812.435
Giá vốn xây dựng	50.773.137.897	4.201.066.107
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	29.598.002.394	4.091.170.074
Giá vốn khác	53.265.783.666	37.987.772.447
	<b><u>2.513.364.058.944</u></b>	<b><u>2.810.282.904.704</u></b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.660.177.641	421.567.780
Cổ tức, lợi nhuận được chia	461.385.203.853	423.432.515.269
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.830.521	220.317.388
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.389.063.230	12.225.320.711
	<b><u>473.476.275.245</u></b>	<b><u>436.299.721.148</u></b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	77.899.994.037	72.526.291.851
Trích lập / (hoàn nhập) dự phòng	12.133.044.693	6.995.569.129
Lỗ chênh lệch tỷ giá	43.408.013	46.982.115
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.953.220	95.857.849
	<b><u>90.087.399.963</u></b>	<b><u>79.664.700.944</u></b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	31.180.907.752	28.638.013.288
Chi phí vật liệu	750.621.857	995.729.402
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.517.798.033	1.171.443.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.607.565.159	10.238.145.088
Chi phí bảo hành	1.940.052.577	3.278.048.516
Chi phí thuê đất, mặt bằng	15.976.332.885	12.668.168.981
Chi phí hoa hồng	4.132.308.856	7.672.679.612
Chi phí bán hàng khác	76.872.411.976	140.742.441.282
	<b><u>144.977.999.095</u></b>	<b><u>205.404.669.616</u></b>

**TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2025</b> VND	<b>Năm 2024</b> VND
Chi phí nhân viên quản lý	99.434.486.316	77.624.899.281
Chi phí vật liệu quản lý	202.008.917	227.345.888
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.956.282.477	2.580.108.832
Chi phí khấu hao	5.009.593.832	4.076.853.466
Thuế, phí và lệ phí	2.288.825.596	1.733.994.891
Chi phí dự phòng	262.060.136	5.060.046.082
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	46.015.397.622	52.724.605.845
	<b>157.168.654.896</b>	<b>144.027.854.285</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2025</b> VND	<b>Năm 2024</b> VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.391.645.513	3.452.419.910
Thu nhập từ tiền thưởng hoàn thành kế hoạch	2.190.318.182	13.170.342.815
Thu nhập hỗ trợ bán hàng	15.170.399.114	19.110.762.212
Thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng	36.454.525	47.363.600
Thu nhập khác	9.979.035.583	6.644.955.114
	<b>31.767.852.917</b>	<b>42.425.843.651</b>

**6.8 Chi phí khác**

	<b>Năm 2025</b> VND	<b>Năm 2024</b> VND
Tiền chậm nộp	6.823.533.590	17.552.112.501
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	24.053.847
Tiền thù lao	2.181.766.752	1.701.130.938
Chi phí khác	1.020.870.117	3.853.657.079
	<b>10.026.170.459</b>	<b>23.130.954.365</b>

**6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2025</b> VND	<b>Năm 2024</b> VND
Chi phí hàng hóa thương mại	1.699.794.955.680	2.526.502.879.684
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	487.245.409.670	7.250.636.444
Chi phí nhân viên	240.182.982.941	198.092.012.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.888.653.864	95.534.540.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.545.844.087	86.008.663.981
Chi phí khác	146.017.117.167	247.556.808.921
	<b>2.796.674.963.409</b>	<b>3.160.945.542.512</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.424.411.456.604	2.897.411.359.390
	<u>2.424.411.456.604</u>	<u>2.897.411.359.390</u>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.676.868.406.257	2.450.968.674.007
	<u>2.676.868.406.257</u>	<u>2.450.968.674.007</u>

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và thưởng người quản lý Tổng Công ty	6.997.898.831	7.862.149.932
Lương và thưởng Ban Kiểm soát	1.114.333.597	2.076.511.876
	<u>8.112.232.428</u>	<u>9.938.661.808</u>

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch với các công ty liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.559.676	158.762.960
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	55.582.004.444	89.744.613.821
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.871.550	47.643.853
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	1.556.668.056	5.974.371.598
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.950.180	-
	Cổ tức được chia	460.380.000	575.475.000

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	724.050
	Cổ tức được chia	17.340.000.000	-
Công ty CP Bến xe Miền Tây	Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.020.169	1.490.300
	Cổ tức được chia	25.498.980.000	-
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.837.700	96.798.227
	Mua dịch vụ	226.960.498	853.213.887
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Doanh thu bán hàng	5.361.627.898	6.887.524.884
	Lãi chậm trả	3.740.660.003	4.562.406.666
	Mua dịch vụ	89.500.000	1.047.846.122
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines tại Hà Nội	Doanh thu bán hàng	12.734.588.480	66.203.703.696
	Lãi chậm trả	6.646.090.727	7.654.532.796
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Doanh thu bán xe, phụ tùng và cung cấp dịch vụ	33.310.877.868	69.863.350.653
	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.482.749.354	6.604.923.774
Công ty CP Hoà Phú	Doanh thu bán hàng	1.689.956	11.713.208
	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.547.561.562	872.649.484
	Cổ tức được chia	1.536.000.000	-
Công ty CP Ô tô An Thái	Mua phụ tùng	3.650.853	22.349.248
	Cổ tức được chia	4.800.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	Doanh thu bán hàng	2.532.820.955	2.575.643.038
	Mua hàng hóa	3.496.400.000	1.026.763.134
	Mua dịch vụ	27.259.740	23.222.050
Công ty CP Xe khách và DV Miền Tây	Doanh thu bán phụ tùng	245.455	13.038.550
	Mua phụ tùng	275.400	27.082.000
	Cổ tức được chia	1.445.775.000	-
Công ty CP Vận tải Ô tô Số 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.194.444.444	27.842.236
	Mua nguyên vật liệu	8.441.000.000	6.388.888.888
	Chi phí sửa chữa	145.897.488	140.000.000
	Cổ tức được chia	-	339.554.800

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.811.052.140	4.005.162.361
	Mua hàng hóa, dịch vụ	390.436.154.352	296.449.581.926
	Lợi nhuận được chia	203.165.396.353	131.929.125.760
Công ty TNHH Mercedes Benz VN			
	Lợi nhuận được chia	150.000.000.000	180.000.000.000
Công ty TNHH Ô Tô Toyotsu Samco			
	Thu nhập điện, nước, tiện ích khác	232.458.332	2.032.984.951
	Tiền thuê nhà xưởng nhận trước	13.903.110.144	13.648.269.312
	Mua nguyên liệu	-	21.482.100
	Lợi nhuận được chia	-	12.469.374.290
Công ty Cổ phần Cảng Phú Định			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.886.600	39.937.000

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các công ty liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	32.864.069.409	62.026.678.786
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	1.039.500
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Phải trả ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia ghi nhận thừa	(54.713.494.892)	(55.420.562.183)
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.128.502.993	3.128.502.993
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.837.000.000	2.837.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác – lãi vay	777.273.863	777.273.863
Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	1.207.870
	Phải trả người bán ngắn hạn	(226.960.498)	-
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	52.050.974.675	67.804.382.799
	Phải trả người bán ngắn hạn	(49.000.000)	(84.855.211)
	Phải trả khác - ký quỹ	(363.762.000)	(299.302.000)
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines tại TP. Hà Nội			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	95.070.833.328	120.218.055.551

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	Phải thu ngắn hạn khách hàng	34.900.000.000	61.050.423.615
	Phải trả khác (nhận ký quỹ, ký cược)	(119.973.000)	(123.823.000)
	Phải trả người bán ngắn hạn	(4.524.829)	-
Công ty CP Hoà Phú	Phải trả người bán ngắn hạn	(6.480.000)	(91.567.649)
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	Phải thu ngắn hạn khách hàng	8.116.706	-
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	-	12.469.374.290
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	(258.181.821)
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(66.374.619.809)	(71.649.424.037)
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.407.780	3.839.400
	Phải trả người bán ngắn hạn	(5.503.140)	(3.327.480)
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	Phải thu về cho vay ngắn hạn	366.286.634	366.286.634
Công ty Vận tải Sông Sài Gòn	Phải thu ngắn hạn khác	123.605.791	123.605.791
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.764.290	8.764.290
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	-	75.000.000.000
Công ty CP Vận tải Ô tô Số 2	Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	28.026.000
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.365.724.800	1.237.959.785
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	1.458.025.171	1.458.025.171
	Phải trả người bán ngắn hạn	(2.881.423.251)	(9.259.806.989)
Công ty Cổ phần Cảng Phú Định	Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	12.718.140

## 8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tổng Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo,... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**8.3 Cam kết thuê**

**Hợp đồng thuê**

Tổng Công ty có các hợp đồng thuê đất phải trả hàng năm như sau:

Địa điểm	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
• Số 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh	01/01/1996-01/01/2046	11.018,00 m <sup>2</sup>
• Số 285 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	20/01/1996-31/12/2020 (**)	318,40 m <sup>2</sup>
• Số 708 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh	05/12/2005-31/12/2020 (**)	1.224,00 m <sup>2</sup>
• Số 444 Nguyễn Chí Thanh, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh	13/08/2007-13/08/2057	846,10 m <sup>2</sup>
• Số 36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	13/09/2013-01/01/2046	8.473,40 m <sup>2</sup>
• Số 295 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	04/08/2003-04/08/2053	637,60 m <sup>2</sup>
• Số 79 - 81 (số cũ 6/6) Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	01/12/2006 - 31/12/2020 (**)	5.833,75 m <sup>2</sup>
• Số 01 Xa lộ Hà Nội, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	ngắn hạn (*)	8.078,50 m <sup>2</sup>
• Số 121 – 139 Cô Giang, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh	21/05/2009 - 21/05/2059	13.479,90 m <sup>2</sup>
• Số 1135 QL1A, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	15/06/1998 - 15/06/2048	3.592,00 m <sup>2</sup>
• Ấp 12, Xã Phú Hòa Đông, Thành phố Hồ Chí Minh - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 1	16/06/2003 - 16/06/2053	48.232,00 m <sup>2</sup>
• Ấp 12, Xã Phú Hòa Đông, Thành phố Hồ Chí Minh - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 2	26/05/2009 - 22/07/2054	7.375,30 m <sup>2</sup>
• Khu vị trí 1 tại đường Hoàng Hữu Nam và đường số 13, Phường Long Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	03/02/2017 - 03/02/2067	123.016,40 m <sup>2</sup>
• Khu 2: Thửa đất 8,7m <sup>2</sup> tại Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	06/06/2017 - 03/02/2067	36.968,80 m <sup>2</sup>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổng Công ty có các hợp đồng thuê mặt bằng, nhà xưởng, thuê đất trong Khu công nghiệp như sau:

Địa điểm	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
• Số 2078 Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	11/12/2018 - 11/12/2036	2.331,3 m <sup>2</sup>
• Số 2078 Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	11/12/2017 - 11/12/2037	5.765,8 m <sup>2</sup>
• Lô 01, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Tp. Hồ Chí Minh	15/10/2019 - 14/10/2034	4.500 m <sup>2</sup>
• Lô E3 và E4, Đường số 10, Khu Công nghiệp Cơ khí Ô tô Thành phố Hồ Chí Minh, Xã Phú Hòa Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	15/12/2009 - 30/06/2057	38.674 m <sup>2</sup>
• Lô E2, Đường số 10, Khu Công nghiệp Cơ khí Ô tô Thành phố Hồ Chí Minh, Xã Phú Hòa Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	22/01/2019 - 30/06/2057	17.029 m <sup>2</sup>

(\*) Thời gian thuê là ngắn hạn hàng năm, cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch.

(\*\*) Chưa có hợp đồng thuê đất, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Sở ban ngành để gia hạn lại hợp đồng thuê đất.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trong vòng một năm	59.421.425.298	63.129.425.299
Trong vòng hai đến năm năm	223.850.610.346	225.110.610.346
Trên năm năm	1.203.846.724.427	1.250.199.107.051
	<b>1.487.118.760.071</b>	<b>1.538.439.142.696</b>

Các khoản tiền cho thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trong vòng một năm	18.749.544.000	9.610.380.000
Trong vòng hai đến năm năm	8.017.142.000	9.743.260.000
	<b>26.766.686.000</b>	<b>19.353.640.000</b>

#### 8.4 Thông tin so sánh

Tổng Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Miền Đông điều chỉnh hồi tố do ghi nhận tiền thuê đất phải nộp truy thu từ năm 2014 đến năm 2024 theo các Thông báo nộp tiền của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ảnh hưởng của việc trình bày lại cụ thể như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Mã số	Số dư 31/12/2024 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số dư 31/12/2024 sau điều chỉnh VND
Phải thu ngắn hạn khác	136	183.066.936.922	(849.600.765)	182.217.336.157
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	113.520.670.728	(56.270.162.948)	57.250.507.780
Phải trả ngắn hạn khác	319	14.523.810.095	55.420.562.183	69.944.372.278

**8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG**  
Người lập biểu

**HUYỀN THỊ HẠNH**  
Kế toán trưởng



**KIỀU NAM THÀNH**  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THH